TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ - ST
Ngày 24/01/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN -TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Văn Hà
Bà Dương Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viện K sát ND huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Hiền - K sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia Đ thụ lý số 206/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2023 , về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Lê Thị K - Sinh năm 1991.
HKTT: Thôn Th Th, xã B Đ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: SN A, ngõ B, thôn Qu Th, xã V Th, huyện N C, Thanh Hóa.
*Bị đơn: Anh Trịnh Ngọc S - Sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn Th Th, xã B Đ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nguyên đơn - Chị Lê Thị K trình bày:

** Về hôn nhân:* Chị và anh Trịnh Ngọc S kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã B Đ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngày 28/12/2012. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột với nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân

từ tháng 11 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị K làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Ngọc S.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Ngọc S, sinh ngày 26/8/2015. Vợ chồng ly hôn, chị K đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trịnh Ngọc S, chị K không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Đối với bị đơn - Anh Trịnh Ngoc S:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần đối với anh Trịnh Ngọc S đến Toà án để giải quyết việc ly hôn với chị Lê Thị K nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã đến địa phương để xác minh về tình trạng hôn nhân và sự vắng mặt của anh S. Theo báo cáo của ông Trịnh Ngọc Đ, trưởng thôn Th Th, xã B Đ cho biết: Hiện tại anh S đang có hộ khẩu thường trú tại thôn Th Th, xã B Đ và sinh sống cùng với gia Đ tại địa phương. Toà án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp K tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trịnh Ngọc S, người nhận là bố và mẹ anh S, để anh S thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến phát biểu của K sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị K, cho chị K được ly hôn anh Trịnh Ngọc S; về con chung: giao cháu Trịnh Ngọc S cho chị K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của K sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu "Ly hôn " giữa nguyên đơn chị Lê Thị K và bị đơn anh Trịnh Ngọc S là tranh chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Th Th, xã B Đ, huyện Nga Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần đối với anh Trịnh Ngọc S đến Toà án để giải quyết việc ly hôn với chị Lê

Thị K nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân và sự vắng mặt của anh S. Theo báo cáo của ông Trịnh Ngọc Đ, trưởng thôn Th Th, xã B Đ cho biết: Hiện tại anh S đang có hộ khẩu thường trú tại thôn Th Th, xã B Đ và sinh sống cùng với gia Đ tại địa phương. Toà án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp K tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trịnh Ngọc S, người nhận là bố và mẹ anh S, để anh S thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật.

Tại các buổi hòa giải anh S vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Chị K vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh S và đề nghị HĐXX tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã có quyết định mở phiên tòa ngày 10/01/2024, nhưng anh S vắng mặt, để bảo đảm quyền lợi cho anh S Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 24/01/2024, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

**Về hôn nhân:* Chị Lê Thị K và anh Trịnh Ngọc S kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã B Đ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngày 28/12/2012, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị K sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột với nhau, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Ngọc S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho người thân của anh S, nhưng anh S vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc chị K xin ly hôn anh, như vậy chứng tỏ anh S cũng không tha thiết về cuộc hôn nhân giữa anh và chị K. Đối với chị K mặc dù Tòa án đã động viên chị nên xem xét lại tình cảm của mình và bỏ qua những mâu thuẫn gia Đ để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị K cho rằng chị không còn tình cảm với anh S nữa, nên chị cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị K và anh S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị K, cho chị K được ly hôn với anh S là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia Đ.

**Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc S, sinh ngày 26/8/2015, hiện tại cháu đang ở với chị K. Ly hôn, quan điểm của chị K đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trịnh Ngọc S.

Xét đề nghị của chị K về việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, trên cơ sở nguyện vọng của cháu S muốn ở với mẹ như vậy là hoàn toàn phù hợp. Do đó HĐXX chấp nhận đề nghị của chị K. Giao cháu Trịnh Ngọc S cho chị K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị K không yêu cầu.

** Về tài sản và nợ chung:* Chị Lê Thị K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[4].Về án phí: Chị Lê Thị K phải nộp án phí ly hôn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 ; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đ. Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị K về việc "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Trịnh Ngọc S.

***Về hôn nhân:** Cho chị Lê Thị K được ly hôn anh Trịnh Ngọc S.

***Về con chung:** Giao cháu Trịnh Ngọc S1, sinh ngày 26/8/2015 cho chị K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh S có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

***Về án phí:** Chị Lê Thị K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0016625 ngày 17/10/2023 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn. Chị K đã nộp đủ án phí DSST.

***Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Nga Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Nga Sơn;*
- *UBND xã B Đ, huyện Nga Sơn;*
- *TAND tỉnh.Thanh Hóa;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên